

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DSPT

Ngày 21/8/2018

*“V/v tranh chấp kiện đòi tài sản”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các thẩm phán: Ông Lê Quốc Huy

Ông Phạm Trung Thực

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Hoàng Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2018/DSPT ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 28 tháng 09 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Bùi Văn T và chị Lê Thị Th, cùng sinh năm 1973. Cư trú tại: Phố B, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hưng Yên. Có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn*: Ông Trần Quang P, sinh năm 1954 và bà Vũ Thị M, sinh năm 1958. Cư trú tại: Phố Đô Lương, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hưng Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

- Luật sư Hoàng Ngọc B - Văn phòng luật sư Cát Tường, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- Luật sư Nguyễn Đắc C - Công ty Luật TNHH Minh Thư, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hưng Yên. Đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Anh B – Phó giám đốc

- Phòng giao dịch L, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên. Do bà Nguyễn Thị Kim D- Trưởng phòng, đại diện

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Quang P và bà Vũ Thị M

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Bùi Văn T, chị Lê Thị Th trình bày:*** Anh chị có quan hệ với vợ chồng ông Trần Quang P bà Vũ Thị M là chỗ họ hàng, bà M là dì ruột chị Th. Năm 2013 con trai vợ chồng bà M nợ nần nhiều do cờ bạc nên đã gặp vợ chồng chị hỏi vay tiền để trả nợ cho con. Anh chị không có tiền mặt, chỉ có mảnh đất diện tích 125m<sup>2</sup> chưa sử dụng nên vợ chồng bà M nhờ vợ chồng chị thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hưng Yên, Phòng giao dịch L để đảm bảo nghĩa vụ cho vợ chồng bà M vay tiền. Ngày 31/3/2014, vợ chồng anh chị ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 36-2014-HĐTC-BL với Phòng giao dịch L dùng quyền sử dụng diện tích đất 125m<sup>2</sup> để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Quang P, bà Vũ Thị M vay tối đa không quá số tiền 320.000.000đ. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo qui định. Đến ngày 03/3/2015 vợ chồng ông P bà M ký hợp đồng tín dụng số 27/2015/HĐTDHM/NHCT342 vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hưng Yên, Phòng giao dịch L số tiền 310.000.000đ với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Sau khi vay tiền, từ tháng 4 đến hết tháng 7 năm 2015 hàng tháng bà M vẫn đưa tiền nhờ chị đi trả lãi. Đến tháng 8/2015 bà M không đưa tiền nhờ chị đi trả lãi hộ, cũng không tự mình đi trả lãi nên Ngân hàng đến nhắc nhở thì vợ chồng bà M không thừa nhận ký hợp đồng tín dụng vay tiền, không nhờ vợ chồng chị Th thế chấp tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã yêu cầu vợ chồng chị trả nợ thay, nếu không sẽ thanh lý mảnh đất đã thế chấp để thu hồi nợ. Lo sợ bị mất đất vợ chồng chị đã phải vay mượn số tiền 320.000.000đ để trả cho Ngân hàng số tiền gốc 310.000.000đ và tiền lãi trong ba tháng 8,9,10 năm 2015 để lấy lại bìa đỏ.

Sau khi trả nợ xong, vợ chồng chị đến nhà gặp vợ chồng bà M trao đổi yêu cầu thanh toán trả số tiền đã trả nợ thay thì vợ chồng bà M nói không ký vay tiền, cán bộ Ngân hàng và vợ chồng chị Th đã câu kết làm hồ sơ giả lừa đảo vợ chồng bà M. Bức xúc trước việc làm của vợ chồng ông P bà M, vợ chồng anh chị đã làm đơn tố cáo đến Công an huyện L đề nghị giải quyết vụ việc. Cơ quan Công an sau khi điều tra xác minh, tiến hành trưng cầu giám định chữ ký trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, giấy lĩnh tiền đã khẳng định là của ông P bà M, không ra quyết định khởi tố vụ án và hướng dẫn anh chị làm đơn khởi kiện ra Toà án vì vụ việc là quan hệ dân sự. Nay anh chị khởi kiện yêu cầu ông P bà

M phải trả lại số tiền gốc 170.000.000đ (tháng 5/2015 vợ chồng bà M đã trả anh chị được số tiền 140.000.000đ) và tiền lãi của ba tháng 8,9,10 trên số nợ gốc 310.000.000đ và tiền lãi trên số nợ gốc 170.000.000đ từ ngày 26/10/2015 đến nay theo đúng lãi suất trong hợp đồng vay tiền là 9,5%/năm.

**Ông Trần Quang P bà Vũ Thị M trình bày:** Ông bà không nhờ anh T, chị Th thế chấp tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, không ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 310.000.000đ tại Phòng giao dịch L. Ông bà không thừa nhận chữ ký trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, phiếu lĩnh tiền do Ngân hàng cung cấp; Không đồng ý với kết luận giám định chữ ký do Công an huyện L trưng cầu. Ông bà không chấp nhận trả số tiền gốc 170.000.000đ và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, cho rằng cán bộ Ngân hàng và vợ chồng anh T chị Th đã câu kết làm hồ sơ giả để lừa đảo vợ chồng ông bà.

Phòng giao dịch L- Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hưng Yên do bà Nguyễn Thị Kim D trình bày: ngày 31/3/2014 Ngân hàng có ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 36-2014-HĐTC-BL với vợ chồng anh T chị Th; Ký hợp đồng tín dụng số 27/2015/HĐTDHM/NHCT342 ngày 03/3/2015 với vợ chồng ông P bà M. Theo đó vợ chồng anh T, chị Th đồng ý thế chấp quyền sử dụng 125m<sup>2</sup> đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ông P bà M vay số tiền 310.000.000đ. Ông P bà M là người trực tiếp ký hợp đồng tín dụng, bà M là người ký giấy nhận nợ, phiếu lĩnh số tiền 310.000.000đ ngày 03/3/2015. Từ tháng 4 đến tháng 7/2015 chị Th là người hàng tháng trả lãi theo đúng hợp đồng, đến tháng 8/2015 không thấy trả lãi. Đại diện Ngân hàng gặp vợ chồng bà M nhắc việc trả tiền thì vợ chồng bà M thoái thác trách nhiệm. Ngân hàng gặp vợ chồng anh T chị Th động viên thuyết phục trả tiền thay vì là người bảo lãnh nên ngày 26/10/2015 vợ chồng chị Th đã trả thay ông P bà M số tiền gốc 310.000.000đ và tiền lãi 03 tháng 8,9,10 năm 2015. Ngân hàng đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng chị Th. Hợp đồng tín dụng số 27/2015/HĐTDHM/NHCT342 ngày 03/3/2015 với vợ chồng ông P bà M đã được tất toán không có gì vướng mắc. Còn việc vợ chồng anh T chị Th khởi kiện vợ chồng ông P bà M là việc dân sự giữa hai bên, không liên quan đến Ngân hàng.

Tại bản án số 05/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 255, 256, 280, khoản 1 Điều 281, khoản 1 Điều 318, Điều 342, 357, 361, 367 Bộ luật dân sự năm 2005.

*Tuyên xử:* Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Trần Quang P bà Vũ Thị M phải thanh toán trả cho vợ chồng anh Bùi Văn T chị Lê Thị Th số tiền gốc 170.000.000đ, tiền lãi ba tháng 8, 9, 10 năm 2015 là 4.029.000đ; 23 ngày lãi của tháng 10/2015 là 1.029.633đ (đều trên số nợ gốc 170.000.000đ) cộng bằng 175.058.633đ (*Một trăm bảy năm triệu không trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm ba ba đồng*).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi tiền lãi từ ngày 26/10/2015 trên số tiền gốc 170.000.000đ theo mức lãi suất 9,5%/năm của vợ chồng anh Bùi Văn T chị Lê Thị Th, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/10/2017 ông P, bà M kháng cáo toàn bộ bản án; đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Khẳng định chỉ ký kết duy nhất 01 HĐTD số 119/2014 ngày 12/09/2014 với Phòng giao dịch L. Không lý giải được lý do có chữ ký và chữ viết Vũ Thị M và Trần Quang P tại HĐTD số 36/2014 ngày 31/03/2014; HĐTD số 27/2015 ngày 03/03/2015 và các văn bản, giấy tờ khác như giấy nhận nợ, giấy ủy quyền, phiếu lĩnh tiền mặt...

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, luật sư Hoàng Ngọc B có quan điểm: Không có văn bản chứng minh vợ chồng ông P, bà M mượn sổ đỏ của anh T, chị Th thế chấp vay tiền tại Ngân hàng; Ông P, bà M không tham gia ký kết hợp đồng thế chấp nên không phải chịu trách nhiệm trả nợ. Do đó anh T, chị Th không có quyền khởi kiện. Đề nghị Tòa tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 36/2014 ngày 31/03/2014 vô hiệu một phần.

Cán bộ Ngân hàng đã vi phạm các thủ tục về ký kết hợp đồng tín dụng không có chữ ký của người vay tại tất cả các trang; Hợp đồng thế chấp ký ngày 31/03/2014 nhưng đến ngày 03/03/2015 vợ chồng ông P mới ký hợp đồng tín dụng; Giấy ủy quyền vay vốn lập ngày 3/3/2015 nhưng ngày 04/3/2015 UBND thị trấn V mới ký xác nhận.

Ý kiến của Luật sư Nguyễn Đắc C: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng khi không công khai chứng cứ là HĐTD số 36/2014 ngày 31/03/2014 do Phòng giao dịch L xuất trình tại phiên tòa; Bản án phát hành không đúng với nội dung bản án đã tuyên tại phiên tòa; Hợp đồng tín dụng có dấu hiệu làm giả. Tại trang cuối của HĐTD số 36/2014 ngày 31/03/2014 được in số và chữ chìm thể

hiện đúng mẫu của Ngân hàng các trang còn lại thì không. Về nội dung tại mục 10.05 ở trang số 12 được in lại ở trang số 13; Việc đánh giá chứng cứ của tòa án sơ thẩm chưa khách quan. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 308 BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của ông P, bà M giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng. Trên cơ sở xem xét đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Chị Lê Thị Th là cháu ruột của và bà Vũ Thị M (vợ ông Trần Quang P). Theo tài liệu thu thập có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 31/3/2014, vợ chồng anh T, chị Th ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 36-2014-HĐTC-BL với Phòng giao dịch L dùng quyền sử dụng diện tích đất 125m<sup>2</sup> để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Quang P, bà Vũ Thị M vay tối đa không quá số tiền 320.000.000đồng. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo qui định. Ngày 31/03/2014 ông P, bà M ký hợp đồng tín dụng số 36/2014- HĐTD/NHCT342; ngày 03/3/2015 ký hợp đồng tín dụng số 27/2015/HĐTDHM/NHCT342 vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hưng Yên, Phòng giao dịch L số tiền 310.000.000đ với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

Theo anh T, chị Th: Do cần tiền để trả nợ cho con nên ông P, bà M đã hỏi vay tiền vợ chồng chị. Anh chị không có tiền mặt nên đã thế chấp mảnh đất diện tích 125m<sup>2</sup> tại Phòng giao dịch L -Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hưng Yên để đảm bảo nghĩa vụ cho vợ chồng bà M. Đến thời hạn trả lãi ông P, bà M không thừa nhận vay tiền, không thực hiện nghĩa vụ nên vợ chồng chị phải trả nợ thay cho Ngân hàng.

Ông P, bà M không thừa nhận chữ ký trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, phiếu lĩnh tiền do Ngân hàng cung cấp, cho rằng cán bộ Ngân hàng và vợ chồng anh T chị Th đã câu kết làm hồ sơ giả để lừa đảo vợ chồng ông bà. Bà M

thừa nhận có vay của vợ chồng T, Th số tiền 130.000.000 đồng và 25 chỉ vàng nhưng đã trả xong nợ.

[2]. Xét kháng cáo của ông Trần Quang P và bà Vũ Thị M: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 36-2014-HĐTC-BL ngày 31/3/2014 được ký kết giữa anh T, chị Th và Phòng giao dịch L, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên; Hợp đồng tín dụng số 27/2015/HĐTDHM/NHCT342 ngày 03/3/2015 được ký kết giữa Phòng giao dịch L, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên với ông P, bà M được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng. Kết luận giám định số 210 ngày 03/08/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: chữ viết, chữ ký mang tên Vũ Thị M và Trần Quang P tại hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, phiếu lĩnh tiền mặt cùng ngày 03/03/2015 là chữ ký của ông P, bà M.

Không đồng ý với kết luận giám định trên ông P, bà M đề nghị trưng cầu giám định lại. Tại kết luận giám định số 73/C54-P5 ngày 29/06/2017 của Viện khoa học hình sự- Tổng cục cảnh sát kết luận:

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Thị M trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 so với chữ ký, chữ viết của Vũ Thị M trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng 1 người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Quang P trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Trần Quang P trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M3, M4, M5 do cùng 1 người ký, viết ra.

- Các hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG GIAO DỊCH L NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HƯNG YÊN” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 so với các hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một con dấu đóng ra.

- Đối với việc giám định thời điểm in, ký, viết của các mẫu cần giám định căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 24 Luật giám định tư pháp Viện khoa học hình sự từ chối giám định vì hiện nay Viện khoa học hình sự chưa giám định được thời điểm in, ký, viết.

Từ những căn cứ trên có cơ sở kết luận: do có quan hệ họ hàng vợ chồng anh T, chị Th đã thế chấp bất động sản là quyền sử dụng 125m<sup>2</sup> đất tại xã Dị Chế, huyện L, tỉnh Hưng Yên để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông P, bà M. Mặc dù ông P, bà M không thừa nhận việc vay tiền Ngân hàng nhưng căn cứ kết luận giám định đủ căn cứ xác định: có việc ông P, bà M có ký kết hợp đồng tín dụng số 27/2015 ngày 3/3/2015 với Phòng Giao dịch L- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hưng Yên, có việc bà M lĩnh số tiền

310.000.000 đồng và ký giấy nhận nợ. Do ông P, bà M vi phạm hợp đồng, không trả lãi theo đúng cam kết nên Phòng giao dịch L- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hưng Yên yêu cầu và anh T, chị Th đã phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông P, bà M số tiền 320.000.000đồng (gồm cả gốc và lãi) tính đến ngày 26/10/2015. Đối trừ số tiền ông P, bà M đã đưa vợ chồng anh T, chị Th là 140.000.000đồng vào tháng 05/2015. Anh T, chị Th khởi kiện yêu cầu ông P, bà M phải trả số tiền nợ gốc là 170.000.000đồng và tiền lãi của tháng 8,9,10 năm 2015 là 175.058.633đồng là có căn cứ.

**Về thủ tục tố tụng:** Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị Kim D- trưởng phòng giao dịch L là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam- Chi nhánh Hưng Yên là không chính xác. Bà D không được Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam uỷ quyền thường xuyên tham gia tố tụng theo văn bản số 1450/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 21/10/2014 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam. Cần xác định lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hưng Yên. Ngoài ra, trong quá trình ký kết hợp đồng tín dụng, Phòng giao dịch L có một số sai sót về kỹ thuật soạn thảo hợp đồng, việc chứng thực chữ ký trong giấy ủy quyền được thực hiện sau ngày giải ngân nhưng không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án là bà M đã nhận số tiền vay là 310.000.000đ ngày 3/3/2015. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn và quan điểm đề nghị hủy bản án sơ thẩm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà ông P, bà M phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang P và bà Vũ Thị M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 255, 256, 280, khoản 1 Điều 281, khoản 1 Điều 318, Điều 342, 357, 361, 367 Bộ luật dân sự năm 2005.

*Tuyên xử:*

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T và chị Lê Thị Th.**

Buộc vợ chồng ông Trần Quang P và Vũ Thị M phải trả cho vợ chồng anh Bùi Văn T chị Lê Thị Th số tiền gốc 170.000.000đồng, tiền lãi tháng 8, 9, 10 năm 2015 là 5.058.633đồng. Tổng cộng bằng 175.058.633 đồng (*Một trăm bảy năm triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm ba ba đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn đề nghị hợp pháp, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án. Bên phải thi hành không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

## **2. Về án phí:**

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Quang P, bà Vũ Thị M mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí ông P, bà M đã nộp theo biên lai thu số 004123 và 004122 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Ông P, bà M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

### **Nơi gửi:**

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện L;
- THADS huyện L;
- Các đương sự,
- Lưu HS, TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Thu Hà**